

## LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

### QUYỂN 83

#### GIẢI THÍCH PHẨM SÁU MƯƠI CHÍN (tiếp): ĐẠI PHƯƠNG TIỆN

**KINH:** Bạch đức Thế Tôn! Môn lược nhiếp Bát-nhã ấy hàng Bồ-tát lợi căn có thể ngộ nhập.

Phật dạy: Bồ-tát độn căn cũng có thể ngộ nhập, Bồ-tát trung căn, Bồ-tát tán tâm cũng có thể ngộ nhập; môn ấy vô ngại, nếu Bồ-tát nhất tâm học đều vào được. Người giải đãi thiếu tinh tấn, vọng niệm, loạn tâm không thể vào được; người tinh tấn, không giải đãi, chánh niệm nhiếp tâm có thể vào. Người muốn trú địa vị bất thoái chuyển muốn mau đến trí Nhất thiết chủng có thể vào. Bồ-tát nên học như Bát-nhã Ba-la-mật đã dạy cho đến nên học như Thí Ba-la-mật đã dạy; Bồ-tát ấy sẽ được Nhất thiết trí. Bồ-tát tu Bát-nhã Ba-la-mật, các ma sự muốn khởi lên liền dứt. Vì vậy nên Bồ-tát muốn được sức phương tiện hãy tu Bát-nhã Ba-la-mật. Nếu Bồ-tát hành, tập, tu Bát-nhã Ba-la-mật, như vậy thì khi ấy chư Phật hiện tại trong vô lượng vô số quốc độ đều nghĩ đến vị Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật ấy. Vì sao? Vì từ trong Bát-nhã phát sinh chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại. Vì vậy nên Bồ-tát nên suy nghĩ như vậy: Pháp của chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại chứng được, ta cũng sẽ được. Như vậy, Bồ-tát nên tập Bát-nhã Ba-la-mật, nếu tập Bát-nhã Ba-la-mật như vậy mau được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì vậy nên Bồ-tát thường nên không xa lìa Nhất thiết trí. Nếu Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật như vậy cho đến trong khoảnh khắc gãy móng tay, phước đức của Bồ-tát ấy rất nhiều. Nếu có người dạy cho chúng sinh trong ba ngàn đại thiên thế giới, tự ý bố thí, trì giới, thiền định, trí tuệ, dạy khiến được giải thoát, giải thoát tri kiến, dạy khiến được quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-hán, đạo Bích-chi Phật, thì cũng không bằng vị Bồ-tát ấy

tu Bát-nhã trong khoảnh khắc gãy móng tay. Vì sao? Vì từ trong Bát-nhã sinh ra bố thí, trì giới, thiền định, trí tuệ, quả Tu-đà-hoàn cho đến đạo Bích-chi Phật. Mười phương chư Phật hiện tại cũng từ trong Bát-nhã sinh; chư Phật quá khứ, hiện tại, vị lai cũng từ trong Bát-nhã sinh.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát nên nghĩ tới Nhất thiết trí mà tu Bát-nhã Ba-la-mật, hoặc trong giây lát hoặc nửa ngày, hoặc một ngày, hoặc một tháng, hoặc trăm ngày, hoặc một năm, hoặc trăm năm, hoặc một kiếp, trăm kiếp cho đến vô lượng vô biên vô số kiếp, thì phước đức của Bồ-tát tu Bát-nhã ấy rất nhiều, hơn dạy cho chúng sinh trong mười phương hằng hà sa số thế giới bố thí, trì giới, thiền định, trí tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến; hơn dạy khiến được quả Tu-đà-hoàn cho đến đạo Bích-chi Phật. Vì sao? Vì chư Phật từ trong Bát-nhã sinh, dạy bố thí, trì giới, thiền định, trí tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, Tu-bồ-đề quả cho đến đạo Bích-chi Phật.

Nếu có Bồ-tát an trú như Bát-nhã dạy, nên biết Bồ-tát ấy là vị bất thoái chuyển, được Phật hộ niệm. Thành tựu sức phương tiện như vậy, nên biết Bồ-tát ấy thân cận cúng dường vô lượng ngàn vạn ức Phật, gieo trồng căn lành, đi theo thiện tri thức lâu ngày tu sáu Ba-la-mật, lâu ngày tu mười tám không, bốn niệm xứ cho đến tám phần Thánh đạo, mười lực của Phật cho đến trí Nhất thiết chủng. Nên biết Bồ-tát ấy ở địa vị làm con của đấng Pháp vương, đầy đủ thiện nguyện, thường không lìa Phật, không lìa các căn lành, từ một cõi Phật đến một cõi Phật. Nên biết Bồ-tát ấy có biện tài vô tận, đầy đủ Đà-la-ni, đầy đủ sắc thân, đầy đủ sự thọ ký, nên vì chúng sinh mà thọ thân. Nên biết Bồ-tát ấy khéo biết môn văn tự, khéo biết chẳng phải môn văn tự, khéo nói, khéo chẳng nói, khéo nói một lời, khéo nói hai lời, khéo nói nhiều lời, khéo biết người nam nói, khéo biết người nữ nói, khéo biết sắc cho đến thức, khéo biết tính thế gian, khéo biết tính Niết-bàn, khéo biết tướng pháp, khéo biết tướng hữu vi, khéo biết tướng vô vi, khéo biết pháp có, khéo biết pháp không, khéo biết tự tính, khéo biết tha tính; khéo biết pháp hợp, khéo biết pháp tán, khéo biết pháp tương ứng, khéo biết pháp không tương ứng, khéo biết như, khéo biết chẳng như, khéo biết pháp tính, khéo biết pháp vị, khéo biết duyên, khéo biết vô duyên, khéo biết ấm, khéo biết giới, khéo biết nhập, khéo biết bốn đế, khéo biết mười hai nhân duyên, khéo biết thiền, khéo biết sáu Ba-la-mật, khéo biết bốn niệm xứ cho đến khéo biết trí Nhất thiết chủng, khéo biết tính hữu vi, khéo biết tính vô vi, khéo biết tính có, khéo biết tính Không, khéo biết quán sắc, khéo biết quán thọ, tưởng, hành, thức, cho đến khéo biết quán trí Nhất thiết chủng, khéo

biết sắc, tướng sắc không, khéo biết tướng thọ, tướng, hành, thức không, cho đến khéo biết Bồ-đề, tướng Bồ-đề không, khéo biết đạo xả bỏ, khéo biết đạo không xả bỏ, khéo biết sinh, khéo biết diệt, khéo biết trụ dị, khéo biết dục, khéo biết sân, khéo biết si, khéo biết không dục, khéo biết không sân, khéo biết không si, khéo biết thấy, khéo biết chẳng thấy, khéo biết tà kiến, khéo biết chánh kiến, khéo biết hết thấy kiến, khéo biết danh, khéo biết sắc, khéo biết danh sắc, khéo biết nhân duyên, khéo biết tăng thượng duyên, khéo biết hành tướng, khéo biết khổ, khéo biết tập, khéo biết diệt, khéo biết đạo; khéo biết địa ngục, khéo biết ngã quý, khéo biết súc sinh, khéo biết người, khéo biết trời, khéo biết cõi địa ngục, khéo biết cõi ngã quý, khéo biết cõi súc sinh, khéo biết cõi người, khéo biết cõi trời, khéo biết Tu-đà-hoàn, khéo biết quả Tu-đà-hoàn, khéo biết đạo Tu-đà-hoàn, khéo biết Tư-đà-hàm, khéo biết quả Tư-đà-hàm, khéo biết đạo Tư-đà-hàm, khéo biết A-na-hàm, khéo biết quả A-na-hàm, khéo biết đạo A-na-hàm, khéo biết A-la-hán, khéo biết quả A-la-hán, khéo biết đạo A-la-hán, khéo biết Bích-chi Phật, khéo biết quả Bích-chi Phật, khéo biết đạo Bích-chi Phật, khéo biết Phật, khéo biết trí Nhất thiết, khéo biết Đạo trí Nhất thiết, khéo biết các căn, khéo biết các căn đầy đủ, khéo biết tuệ, khéo biết tuệ nhạy bén, khéo biết tuệ có lực, khéo biết tuệ lanh lợi, khéo biết tuệ xuất ly, khéo biết thông đạt, khéo biết tuệ rộng lớn, khéo biết tuệ thâm sâu, khéo biết tuệ lớn, khéo biết tuệ vô đẳng, khéo biết tuệ như thật, khéo biết đời quá khứ, khéo biết đời vị lai, khéo biết đời hiện tại, khéo biết phương tiện, khéo biết đời chúng sinh, khéo biết tâm, khéo biết tâm sâu xa, khéo biết nghĩa, khéo biết lời nói, khéo biết phân biệt ba thừa.

Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật, sinh Bát-nhã Ba-la-mật, tu Bát-nhã Ba-la-mật được các lợi ích như vậy.

**LUẬN:** Ý Tu-bồ-đề nghĩ rằng: Do bốn cửa đi vào tuy an ổn, song vì rất sâu xa nên chỉ kẻ lợi căn mới vào được.

Phật đáp: Không ai không vào được. Tu-bồ-đề hiểu chỉ người có lợi căn trí tuệ vào được, còn ý Phật thì người chỉ có nhất tâm tinh tấn muốn học đều có thể vào được. Thí như lúc nóng bức gặp ao nước trong mát, người có mắt có chân đều có thể vào, còn người tuy ở gần mà không muốn vào thì không vào. Bốn cửa vào ao Bát-nhã Ba-la-mật cũng như vậy, bốn phương chúng sinh có ngăn ngại gì. Người không giải đãi là người chánh tinh tấn, người không vọng niệm là người có chánh niệm, người không loạn tâm là người có chánh định. Bốn cửa như vậy là chánh kiến, an trú trong chánh kiến... là giới hạnh; tám thánh đạo ấy có thể

được Bát-nhã Ba-la-mật. Tu-bồ-đề là người Tiểu thừa trí mỏng, nên chỉ nói người lợi căn mới vào được, còn Phật Đại thừa trí lớn nên nói tuy hàng trung căn, độn căn mà tu tập tám pháp cũng có thể vào bốn cửa ấy. Trong đây, Phật vì tâm đại bi nên nói hàng trung căn, độn căn đều có thể vào được. Nếu Bồ-tát học sáu Ba-la-mật như Bát-nhã đã nói thì không bao lâu sẽ được Nhất thiết trí. Như trong pháp Thanh-văn, không chỉ do chánh kiến đắc đạo mà còn do cả tám thánh đạo hợp thành; pháp Đại thừa cũng như vậy, không chỉ học Bát-nhã được Nhất thiết trí, mà còn phải hợp với năm Ba-la-mật kia mới được. Thế nên nói Bồ-tát đúng như Bát-nhã đã nói nên học được trí Nhất thiết.

Hỏi: Ở trên chỉ nói Bát-nhã hay đưa đến trí Nhất thiết chủng, nay có sao lại nói hợp cùng với năm Ba-la-mật mới được đến?

Đáp: Thường nói hợp cùng sáu Ba-la-mật nên được đến; hoặc có khi ở cõi Phật thanh tịnh, chỉ nghe thật tướng là đến được Nhất thiết trí, không cần thứ lớp tu các Ba-la-mật. Trong đây nói, Bồ-tát được Nhất thiết trí thì chỉ do công của Bát-nhã đã đủ, nên nay chỉ tán thán thế lực của người tu Bát-nhã. Như trong kinh này nói: Bồ-tát hành Bát-nhã thì ma sự có khởi lên liền dứt.

Từ trên kia, “chư Phật hộ niệm” cho đến đây đều là tán thán công đức Bồ-tát hành Bát-nhã cho đến phân biệt khéo biết ba thừa. Khéo biết môn văn tự là, như đã nói trong văn tự Đà-la-ni. Môn chẳng văn tự là: Như như, pháp tính, thật tế, trong đó không có văn tự. Nói lược là Bồ-tát có lực phước đức vô lượng nên khéo biết hai pháp, là thế gian và Niết-bàn; nếu muốn mất Niết-bàn thì trở lại nghĩ đến thế gian. Tu tập các phước đức nên khéo biết chữ, phá điên đảo đối với phước đức nên khéo biết chẳng phải có chữ. Lời nói, chẳng phải lời nói cũng như vậy. Một lời nói là do một lời nói có thể phân biệt nhiều ít, lời nói trong sạch, lời nói không trong sạch. Một lời, hai lời, nhiều lời, trai nói, gái nói, âm thanh khác nhau. Bồ-tát khéo biết việc ấy nên hàng phục các tà đạo và các kẻ hiểu thắng. Khéo biết sắc cho đến thức hai tướng hoặc thường hoặc vô thường, như trước nói. Khéo biết đạo xả bỏ là Bồ-tát từ một địa, đến một địa, xả bỏ địa dưới không ưu, được địa trên không tham; đạo chẳng xả bỏ là trú trong địa ấy không bỏ. Tà kiến tiếp thế gian chánh kiến, hết thấy kiến, các kiến học, vô học. Hành là mười sáu hành. Khéo biết Tu-đà-hoàn là khéo biết người; đạo Tu-đà-hoàn là kiến đế đạo; quả Tu-đà-hoàn là Tâm tâm số pháp thứ mười sáu và vô lậu giới... cho đến Phật cũng như vậy. Khéo biết các căn là khéo phân biệt hai mươi hai căn. Có người nói xem chúng sinh có thể độ căn có lợi, độn; người đầy đủ căn có

thể độ, người không đầy đủ căn chưa thể độ. Lại Bồ-tát cũng tự biết căn lành đầy đủ, không đầy đủ; như chim con tự biết lông cánh đầy đủ mới có thể bay. Tuệ là tướng chung của hết thấy trí tuệ. Tật tuệ là mau biết các pháp. Có người tuy mau mà trí lực không mạnh; như ngựa tuy chạy mau mà sức yếu. Có người tuy mạnh mà trí lực không lanh giống như búa dùi tuy có sức mạnh mà không thể chặt cây. Tuệ ra khỏi là, ở trong các vấn nạn có thể tự ra khỏi, cũng có thể ở trong các phiền não tự ra khỏi, cũng có thể ở trong các phiền não tự ra khỏi ba cõi mà vào Niết-bàn. Tuệ thông đạt là, rốt ráo thông suốt Phật pháp, cho đến lậu hoặc dứt sạch, được Niết-bàn, phá các pháp để đi vào pháp tính. Tuệ rộng lớn là, các kinh sách, luận nghị giữa đời và đạo không có trong pháp mà có thể biết hết. Tuệ thâm sâu là, quán hết thấy pháp vô tướng không ngại, không thể nghĩ nghĩ. Trí tuệ sâu của thế gian là, có thể biết việc lâu xa, việc trong lợi có suy, trong suy có lợi. Tuệ lớn là, gồm thấu đủ các tuệ trên gọi là lớn; lại trong hết thấy chúng sinh, Phật là lớn; trong hết thấy pháp. Bát-nhã là lớn; biết Phật và tin pháp cùng với đại pháp hòa hợp nên gọi là lớn. Tuệ vô đẳng là, ở trong Bát-nhã mà không chấp trước Bát-nhã, vào sâu được như vậy, không còn pháp gì có thể ví dụ nên gọi là vô đẳng. Lại nữa, Bồ-tát dần dần hành đạo đạt đến tính Không thể nghĩ nghĩ, không có gì sánh bằng nên gọi là vô đẳng. Tuệ như thật là như ngọc như ý không có màu sắc nhất định, tùy theo vật đối hiện trước nó mà biến màu; Bát-nhã cũng như vậy, không có tướng nhất định, chỉ tùy theo các pháp hành. Lại, như ngọc như ý, tùy ước nguyện đều đạt được; Bát-nhã cũng như vậy, người thực hành Bát-nhã có thể đạt ước nguyện thành Phật, hưởng gì các ước nguyện khác. Quá khứ đã diệt, vị lai chưa sinh, không được nói rằng có, không được nói rằng không; hành được thật tướng trong đó, ấy gọi là khéo biết. Pháp hiện tại niệm niệm sinh diệt, không thể biết mà có thể thông đạt, ấy gọi là khéo biết đời hiện tại. Phương tiện là, muốn thành tựu công việc phải có đầy đủ nhân duyên nhiều ít thích hợp, không bị sai lạc mới được. Như Bồ-tát tuy tập hành không, mà không chứng thật tế; tuy tập hành phước đức cũng không đấm trước. Đợi chúng sinh là, như khách buôn, đại tướng, tuy cỡi ngựa nhanh, có thể mau đến nơi, song cố đợi mọi người; Bồ-tát cũng như vậy, cỡi ngựa tài trí tuệ, tuy có thể mau vào Niết-bàn, cũng đợi chúng sinh nên không vào. Khéo biết tâm thiện ác của chúng sinh. Tâm sâu xa là, hiện tại tuy ác, nhưng vốn nó là thiện. Như cha mẹ đánh con, bên ngoài ác mà bên trong thiện; như Phật độ chàng Ương-quật-ma-la, biết nó tâm hiện ra bên ngoài tuy ác mà thâm tâm thật thiện. Bồ-tát quán xét chúng sinh

đủ năm thiện căn tín, tấn, niệm, định, tuệ từ trong tâm sâu xa đi đến, khi ấy có thể độ được. Nghĩa có hai: Cũng chỉ pháp, cũng chỉ tên. Ngữ là lời nói, dùng danh từ để gọi vật. Được nghĩa vô ngại, pháp vô ngại nên gọi là khéo biết nghĩa. Được từ vô ngại, vui nói vô ngại nên gọi là khéo biết nghĩa. Bồ-tát có hai việc khéo biết ấy có thể đem pháp ba thừa độ chúng sinh, ấy gọi là khéo biết phân biệt ba thừa. Như vậy, vì khó hiểu nên nói, còn điều dễ hiểu không nói.

Hỏi: Cớ sao trước nói khéo biết sắc cho đến thức, sau mới nói khéo biết ấm, giới, nhập? Cớ sao trước nói khéo biết duyên sau mới khéo biết nhân duyên, thứ đệ duyên, duyên duyên, tăng thượng duyên?

Đáp: Trước nói rộng, sau nói lược. Lại có người nói: Trước nói ngũ uẩn có ba thứ: Thiện, bất thiện và vô ký. Giới uẩn, định uẩn... cũng gọi là năm uẩn. Duyên trước nói lược, sau nói rộng.

-----o0o-----